

Bản án số: 03/2022/DS-PT

Ngày 14 – 01 - 2022

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Ph

*Các Thẩm phán:*

Bà Trần Thị Mỹ H

Bà Nguyễn Thị Thu T

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết L - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2021/DS-ST ngày 08/10/2021 của Tòa án nhân dân C, tỉnh Nghệ An, bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 140/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn 2, xã S, huyện A, tỉnh Nghệ An. Có mặt;

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952. Địa chỉ: Thôn 6, S, huyện A, tỉnh Nghệ An. Có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trương Thị H, sinh năm 1969 (Vợ ông M). Địa chỉ: thôn 2, xã S, huyện A, tỉnh Nghệ An. Có mặt;

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị H, bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo Bản án sơ thẩm vụ án có nội dung:

*Trong đơn khởi kiện, các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị H (Vợ ông M) thống nhất trình bày:* Do gia đình ông M, bà H và bà Nguyễn Thị H quen biết tin tưởng nhau trong quá trình làm ăn, nên trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2020 bà Nguyễn Thị H đã vay

tiền của vợ chồng ông M, bà H nhiều lần, cụ thể từng lần vay không nhớ, các khoản vay gởi nhau, khi bà H vay khoản vay mới thì hai bên làm Giấy chót nợ và hủy các giấy vay cũ. Ngày 03/8/2020 bà H đến gia đình ông M, bà H hai bên đã làm giấy chót nợ, bà H thống nhất số tiền còn nợ vợ chồng ông M, bà H là 300.000.000 đồng, không tính lãi suất và H cam kết đến 15/9/2020 phải thanh toán đầy đủ số tiền đã vay cho vợ chồng ông M. Đến hạn cam kết thanh toán, mặc dù vợ chồng ông M đã nhiều lần đến đòi, nhưng bà H cứ hứa hẹn lần này đến lần khác không trả. Nay vợ chồng ông M, bà H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải thanh toán số tiền đã vay của vợ chồng ông M, bà H là 300.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

*Bà Nguyễn Thị H trình bày:* Trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến 2011 ông M, bà H là trùm pH, bà H có theo pH của vợ chồng ông M, bà H một số suất pH (Cụ thể bao nhiêu suất thì bà không nhớ). Khi tham gia pH và bóc pH, bà H bỏ pH giữa chừng do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, làm ăn thất bát nên bà H không thanh toán lại tiền pH cho ông M, bà H được. Bà H cho rằng, bà H có nợ tiền pH vợ chồng ông H, bà M 80.000.000 đồng, nhưng sau một thời gian bà H đã thanh toán được 38.000.000 đồng, nay còn nợ gia đình ông M, bà H số tiền 42.000.000 đồng. Đến ngày 03/8/2020 ông M, bà H đã tính tiền gốc và lãi suất của khoản nợ tiền pH trước đây lên đến số tiền 300.000.000 đồng và yêu cầu bà viết giấy vay tiền, hẹn đến ngày 15/9/2020 phải trả cho ông M, bà H. Thực tế bà H chỉ còn nợ vợ chồng ông M, bà H 42.000.000 đồng tiền pH, chứ bà H không vay 300.000.000 đồng như ông M, bà H yêu cầu. Do đó bà H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DSST ngày 08/10/2021 của Tòa án nhân dân S, tỉnh Nghệ An, đã quyết định: Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 207, 235 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M. Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn M, bà Trương Thị H số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Ngoài ra Bản án còn tuyên án phí, nghĩa vụ của người phải thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021 bà Nguyễn Thị H làm đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các

đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử; không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên nội dung bản sơ thẩm, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bà H thuộc diện người cao tuổi cung cấp đơn đề nghị miễn án phí. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm; miễn án phí cho bà H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử nhận định: Vợ chồng ông M, bà H và bà Nguyễn Thị H có mối quan hệ quen biết nhau trong quá trình làm ăn, nên trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2020 bà Nguyễn Thị H đã vay tiền của vợ chồng ông M, bà H nhiều lần, số tiền cụ thể từng lần vay không xác định. Ngày 03/8/2020 bà H đến gia đình ông M, bà H hai bên đã làm giấy chót nợ, vợ chồng ông M, bà H và bà H thống nhất số tiền bà H còn nợ vợ chồng ông M, bà H là 300.000.000 đồng, không tính lãi suất.

Bà H cho rằng, trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến 2011 ông M, bà H là trùm pH, bà H có theo pH (cụ thể bao nhiêu suất bà H không nhớ), bà H có nợ tiền pH vợ chồng ông M, bà H 80.000.000 đồng và bà H đã thanh toán được 38.000.000 đồng, nay còn nợ gia đình ông M, bà H số tiền 42.000.000 đồng. Nhưng vợ chồng ông M, bà H không chấp nhận và bà H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng M.

Mặt khác trong quá trình giải quyết tranh chấp tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H xác định và thừa nhận: Giấy vay tiền mặt và cam kết trả nợ ngày 03/8/2020 do bà H viết và ký; Tại thời điểm viết giấy vay tiền bà H có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và bà H cũng thừa nhận khi viết Giấy vay tiền bà H không bị ông M, bà H đe dọa gì. Bởi vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định; buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn M, bà Trương Thị H số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng là có căn cứ, cần được giữ nguyên. Tuy nhiên, Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội thì bà H thuộc diện được xem xét miễn án phí, tại cấp phúc thẩm bà H cung cấp đơn xin miễn án phí. Do đó, cần chấp nhận một phần nội kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, sửa bản án sơ thẩm; miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bà H.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà H.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, sửa Bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M. Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn M, bà Trương Thị H số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H.

2.2. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn M 3.750.000 đồng (Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự S ngày 23/4/2021, theo biên lai số 0002004.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0000023 ngày 29/10/2021.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THA S;
- TAND S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

